

BÀI ÔN TẬP CUỐI NĂM MÔN TOÁN LỚP 2

Phần I: Trắc nghiệm

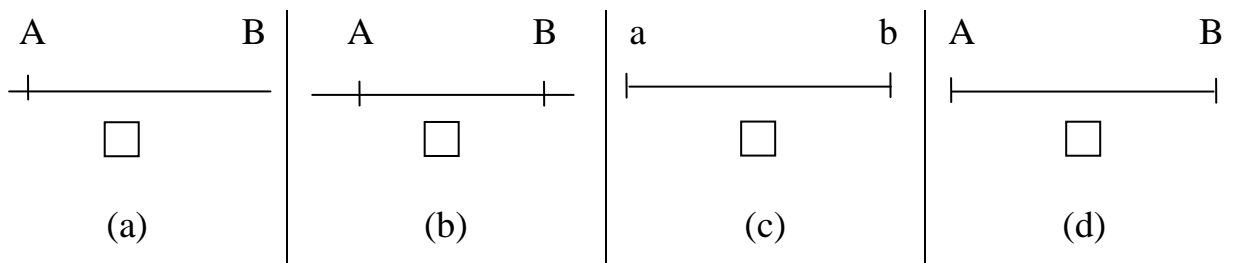
Câu 1: Có bao nhiêu số có một chữ số? Hãy khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng

- a. 10 b. 9 c. 100 d. 11

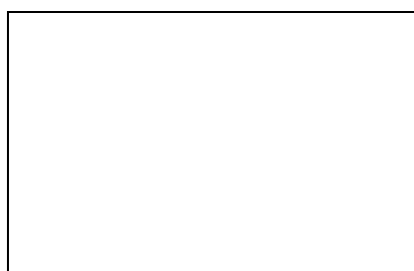
Câu 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

- a) Số nào nhân với 1 cũng bằng 1
- b) Số nào chia cho 1 cũng bằng chính số đó
- c) Số nào nhân với 0 cũng bằng 0
- d) Số 0 nhân với số nào cũng được chính số đó
- e) Số 0 chia cho số nào cũng bằng 0
- g) Số 0 chia cho số nào khác 0 cũng bằng 0

Câu 3: Hãy ghi Đ (nếu đúng) và ghi S (nếu sai) vào ô trống với cách biểu diễn đoạn thẳng AB như sau:

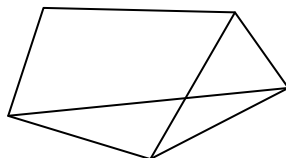


Câu 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống sau cách đọc tên hình chữ nhật dưới đây:

- | | | | |
|-----------------------|--------------------------|--|--|
| a) Hình chữ nhật IMKL | <input type="checkbox"/> | I K | |
| b) Hình chữ nhật KIML | <input type="checkbox"/> |  | |
| c) Hình chữ nhật MLIK | <input type="checkbox"/> | | |
| d) Hình chữ nhật IKLM | <input type="checkbox"/> | | |
| e) Hình chữ nhật LIMK | <input type="checkbox"/> | | |
| g) Hình chữ nhật LMIK | <input type="checkbox"/> | | |

Câu 5: Hình vẽ dưới đây có mấy hình tứ giác? Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng.

- a) 2 hình tứ giác
b) 3 hình tứ giác



c) 4 hình tứ giác

Câu 6: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

- a) Chu vi của hình tam giác là số đo các cạnh của tam giác đó.
- b) Chu vi của hình tứ giác là tổng độ dài các cạnh của hình tứ giác đó.
- c) Tổng độ dài các cạnh của hình tam giác là chu vi của hình tam giác đó.
- d) Số đo cạnh của tứ giác gọi là chu vi của tứ giác đó.

Câu 7: Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng. Ba được lấy năm lần, viết là:

- a) $3 \times 5 = 5 + 5 + 5 = 15$
- b) $5 \times 3 = 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 15$
- c) $3 \times 5 = 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 15$

Câu 8: Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng. Trong phép nhân: $2 \times 8 = 16$

- a) 2 là số hạng, 8 là số hạng, 16 là tổng.
- b) 2 là thừa số, 8 là thừa số, 16 là tích.
- c) 2 x 8 là thừa số, 16 là tích.

Câu 9: Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng. Mỗi con ngựa có 4 chân. Tám con ngựa có số chân là:

- a) $4 \times 8 = 32$ (chân)
- b) $8 \times 4 = 32$ (chân)
- c) $4 + 8 = 12$ (chân)

Câu 10: Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng. Cách thực hiện phép tính $5 \times 5 + 4$ là:

- a) $5 \times 5 + 4 = 25 + 4 = 29$
- b) $5 \times 5 + 4 = 5 \times 9 = 45$

Phần II: Làm các bài tập sau

Bài 1: Hãy tính hiệu của:

- a) Số lớn nhất có hai chữ số và số bé nhất có hai chữ số giống nhau:.....
- b) Số lớn nhất có ba chữ số và số lớn nhất có hai chữ số:

Bài 2: Hãy dùng chữ số và dấu (>, <) thích hợp để ghi các câu sau:

- a) Hai nhỏ hơn bốn:
- b) Chín lớn hơn bảy:
- c) Sáu lớn hơn ba và bé hơn tám:
- d) Một trăm linh hai lớn hơn một trăm và bé hơn một trăm linh ba:

Bài 3: Khoanh vào số có thể điền được vào ô trống

$\begin{array}{r} 52 \\ \underline{29} \\ \dots \end{array}$	$\begin{array}{r} 100 \\ \underline{18} \\ \dots \end{array}$	$\begin{array}{r} 420 \\ \underline{400} \\ \dots \end{array}$	$\begin{array}{r} 71 \\ \underline{25} \\ \dots \end{array}$	$\begin{array}{r} 93 \\ \underline{67} \\ \dots \end{array}$	$\begin{array}{r} 65 \\ \underline{29} \\ \dots \end{array}$
--	---	--	--	--	--

Bài 8: Tính.

- | | |
|---|--------------------------------------|
| a) $4 \times 7 + 15 = \dots$
= \dots | d) $15 : 5 + 9 = \dots$
= \dots |
| b) $2 \times 6 + 8 = \dots$
= \dots | e) $9 : 3 + 8 = \dots$
= \dots |
| c) $4 \times 0 + 6 = \dots$
= \dots | g) $5 : 1 + 37 = \dots$
= \dots |

Bài 9: Tìm y

- | | | |
|--------------------------------------|--|--|
| a) $y + 318 = 639$
.....
..... | d) $y \times 4 = 32$
.....
..... | h) $245 + y = 467$
.....
..... |
| b) $326 - y = 113$
.....
..... | e) $y : 7 = 5$
.....
..... | i) $5 \times y = 45$
.....
..... |
| c) $y - 27 = 65$
.....
..... | g) $y : 8 = 3$
.....
..... | k) $y - 312 = 157$
.....
..... |

Bài 10: Điền số đo độ dài thích hợp vào chỗ trống thích hợp:

- a) Anh cao 150, em thấp hơn anh 25
- b) Chiều dài lớp học khoảng 80
- c) Bảng lớp em dài 3
- d) Chiếc thước nhựa học sinh dài 300

Bài 11: Điền đơn vị đo thời gian thích hợp vào chỗ trống.

Mỗi tuần thì có bảy
Cứ hai mươi bốn được một ngày đêm.
Em thích toán lại yêu thơ,
Cứ sáu mươi có ngay một

Bài 12: Tính chu vi của hình tam giác biết mỗi cạnh của tam giác đều có độ dài là 5 dm.

